

Số: /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến ngày 31/12/2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa, đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 49/TTr-SVHTTDL ngày 06 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến ngày 31/12/2025 với tổng số 366 di sản (tồn tại và thực hành tại 2.495 địa điểm¹), trong đó gồm 06 loại hình:

1. Loại hình biểu đạt và truyền thống truyền khẩu có 47 di sản (tồn tại và thực hành tại 255 địa điểm), trong đó: dân tộc Tày 24 di sản; dân tộc Nùng 07 di sản; dân tộc Mông 04 di sản; dân tộc Dao 08 di sản; dân tộc Lô Lô 03 di sản; dân tộc Sán Chi 01 di sản.

¹ Địa điểm được xác định căn cứ theo Nghị quyết số 1657/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2025.

2. Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian có 47 di sản (thực hành tại 317 địa điểm), trong đó: dân tộc Tày có 15 di sản; dân tộc Nùng có 09 di sản; dân tộc Mông có 06 di sản; dân tộc Dao có 11 di sản; dân tộc Lô Lô có 03 di sản; dân tộc Sán Chỉ có 03 di sản.

3. Loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng có 91 di sản (thực hành tại 1.328 địa điểm), trong đó: dân tộc Tày có 16 di sản; dân tộc Nùng có 13 di sản; dân tộc Mông có 18 di sản; dân tộc Dao có 24 di sản; dân tộc Lô Lô có 11 di sản; dân tộc Sán Chỉ có 09 di sản.

4. Loại hình lễ hội truyền thống có 71 di sản (thực hành tại 83 địa điểm), trong đó: dân tộc Tày có 63 di sản; dân tộc Nùng có 05 di sản; dân tộc Mông có 0 di sản; dân tộc Dao có 01 di sản; dân tộc Lô Lô có 01 di sản; dân tộc Sán Chỉ có 01 di sản.

5. Loại hình tri thức dân gian có 45 di sản (thực hành tại 314 địa điểm), trong đó: dân tộc Tày có 16 di sản; dân tộc Nùng có 08 di sản; dân tộc Mông có 06 di sản; dân tộc Dao có 08 di sản; dân tộc Lô Lô có 03 di sản; dân tộc Sán Chỉ có 04 di sản.

6. Loại hình nghề thủ công truyền thống có 65 di sản (thực hành tại 198 địa điểm), trong đó: dân tộc Tày có 17 di sản; dân tộc Nùng có 24 di sản; dân tộc Mông có 06 di sản; dân tộc Dao có 13 di sản; dân tộc Lô Lô có 03 di sản; dân tộc Sán Chỉ có 02 di sản.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Quyết định).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

- Công bố công khai danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh đến thời điểm ngày 31/12/2025; bàn giao số liệu, danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể cho Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp nhận, quản lý theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Trên cơ sở kết quả kiểm kê, hàng năm lựa chọn các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu để lập hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (khi đủ điều kiện theo quy định); tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn tỉnh.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp số liệu về những biến động (tăng, giảm) di sản văn hóa để phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; định kỳ 05 năm thực hiện rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các di sản văn hóa phi vật thể thuộc danh mục kiểm kê trên địa bàn bảo đảm đúng quy định của Luật Di sản văn hóa và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VP UB tỉnh: các PCVP; CVVX, TTTT-HN;
- Lưu: VT, VX_(M).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Nhật Lệ